

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 4 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Thanh Chiêu;

Ông Nguyễn Văn Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Phước Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm N; Cư trú: Ấp Mỹ Đ, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B; Cư trú: Đường Hùng V, ấp Cầu Đ, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng K; Cư trú: Ấp Thiện T, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Võ Hoàng K có đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2016, tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên anh K đã bỏ địa

phương đi từ năm 2017, anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Ngày 28/4/2020, chị N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết tuyên bố anh Võ Hoàng K mất tích. Đến ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2020/QĐST-VDS tuyên bố anh Võ Hoàng K đã mất tích.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh K có một con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 27/01/2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh K.
- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh K có một con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 27/01/2015, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Võ Hoàng K:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn không có mặt tại địa phương, nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Quyết định phân công giải quyết vụ án; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B trình bày: Chị N và anh K chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 27/01/2015, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; Giao con chung Võ Gia H, sinh ngày 27/01/2015 cho chị N nuôi dưỡng đến con tròn 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.2] Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp Thiện T, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Võ Hoàng K, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 132 ngày 25 tháng 11 năm 2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị N và anh K chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, chị N và anh K bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên anh K đã bỏ địa phương đi từ năm 2017, anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020 tuyên bố anh K đã mất tích. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh K có 01 con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015, hiện nay cháu H đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh K bỏ nhà đi cho đến nay cháu H do chị Nhung nuôi dưỡng, chăm sóc gần gũi với chị N, về mặt tình cảm thì cháu H gần gũi và yêu mến chị N nhiều hơn anh K, hơn nữa anh K đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu H, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu

Võ Gia H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh K là người không trực tiếp nuôi con, nên anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N là người có đơn xin ly hôn, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Võ Hoàng K.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006203 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Thuận H;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Thị Kiều Oanh**